TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2020
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Văn Bé;**

2. Bà **Nguyễn Thị Ly.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Ngô Thị Lắm**, Thư ký Toà án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong các ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 2001; địa chỉ: số nhà 729, ấp NN, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang, (có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn P, văn phòng luật sư Nguyễn Văn P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: Số 477A/24 đường Quản Cơ Thành, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lý Nhựt T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp NN xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang, (có ý kiến xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T do tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào ngày 16/4/2018 (al) nhưng không đăng ký kết hôn. Sống chung hạnhP đến cuối

tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cự cãi, anh T không quan tâm đến vợ con và không còn sống chung cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh S, sinh ngày 25/8/2019. Hiện cháu S đang sống chung với chị M, khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kim M xác định không có.

Bị đơn anh Lý Nhựt T trình bày: Anh cũng thống nhất lời trình bày của chị M vê thời gian sống chung, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị M xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh S, sinh ngày 25/8/2019. Hiện cháu S đang sống chung với chị M, khi ly hôn anh đồng ý để chị M được tiếp tục nuôi con chung, anh không phải dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nhựt T xác định không có.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn VănP trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh T do quen biết và có tổ chức lễ cưới, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp pháp luật. Sống chung hạnhP đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cự cãi, anh T không lo cho gia đình, anh chị không còn sống chung từ đó cho đến nay. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chịM, anh T là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh Sang, sinh ngày 25/8/2019. Hiện cháu Sang đang sống chung với chị M, khi ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Sang cho chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim M xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Kim M khởi kiện anh Lý Nhựt T cư trú ấp NN, xã NM huyện CMi, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện CMi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lý Nhựt T có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. *Về hôn nhân:* ChịM và anh T sống chung với nhau vào năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử không công nhận chịM và anh T là vợ chồng.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Minh Sang, sinh ngày 25/8/2019. Hiện cháu Sang đang sống chung với chịM. Khi ly hôn, chịM yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sang. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu Sang sống ổn định với chịM vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, anh T cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Sang cho chịM tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung:* ChịM, anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Chị M, anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị M, anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị M, anh T trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 14, Khoản 1 Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim M và anh Lý Nhựt T là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Minh Sang, sinh ngày 25/8/2019. Anh Lý Nhựt T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim M, anh Lý Nhựt T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim M, anh Lý Nhựt T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị KimM phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tiền số 0007914 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang. Chị Nguyễn Thị Kim M không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện CMi;
-Chi cục THADS huyện CMi;
-Các đương sự;
-Lưu.